

Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ

B, ngày 19 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1995. Địa chỉ: 091/AB, **ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**.

- Bị đơn: Chị **Dương Thị Bé T**, sinh năm 2001. Địa chỉ: 091/AB, **ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Thanh P** và chị **Dương Thị Bé T**. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 04/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Về con chung: Chị **Dương Thị Bé T** có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Trần Thị Thanh T1**, sinh ngày 03/4/2022. Anh **P** tự nguyện cấp dưỡng cho con chung theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/02/2024.

Anh **Trần Thanh P** có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh **Trần Thanh P** đối với chị **Dương Thị Bé T**. Anh **P** và chị **Bé T** tự thỏa thuận phân chia tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **P** và chị **Bé T** trình bày không có.

- Về án phí: Anh **Trần Thanh P** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000193 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Anh **P** được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000194 ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Chí Vũ